TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HS-ST
Ngày 09 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Chính - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2024/TLST- HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/HSST-QĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Hoàng Đức H, sinh năm 1986 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đức M và bà Vũ Thị N; vợ: Lại Thị Thu L; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/3/2016, Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội "Vận chuyển hàng cấm"; chấp hành xong bản án ngày 11/01/2018; bị tạm giữ từ ngày 02/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 08/01/2024, đến ngày 31/01/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh"; có mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

- Chị Phạm Thị N, sinh năm 1982; trú tại: Tiểu khu L, thị trấn K, huyện T, tỉnh Hà Nam; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam trong vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; vắng mặt.

- Chị Lại Thị Thu L, sinh năm 1988; trú tại: Tổ dân phố N, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Anh Lữ Văn L, sinh năm 1986; trú tại: Xóm 4, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1977; trú tại: Tổ 10, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện tại: Tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết nên từ đầu năm 2022, Hoàng Đức H nhiều lần cho chị Phạm Thị N vay tiền. Ngày 19/3/2022, H và chị N thống nhất tổng số tiền chị N vay của H là 100.000.000đ, đồng thời chị N hỏi vay thêm 50.000.000đ, H đồng ý và thoả thuận tính lãi suất của khoản vay 50.000.000đ là 4000đ/1 triệu đồng/1 ngày, tương đương mức lãi suất 144%/năm, tiền lãi trả trong thời hạn 30 ngày, H thu trước tiền lãi 30 ngày là 6.000.000đ được trừ vào tiền vay. Cùng ngày, H sử dụng tài khoản số 030816321999 mở tại Ngân hàng Sacombank của H chuyển số tiền 44.000.000đ đến số tài khoản 16088016802156 mở tại Ngân hàng MSB của chị N. Sau đó, H và chị N thống nhất cộng tổng số tiền vay là 150.000.000đ và bắt đầu tính lãi suất từ tháng 4/2022 là 16.000.000đ/150.000.000đ/30 ngày, tương đương mức lãi suất 128%/năm. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự H được thu là (150.000.000đ x 30 ngày x 20%)/365 = 2.465.753,42đ; số tiền H thu lợi bất chính của chị N là 13.534.246,6đ. Từ đó hàng tháng, chị N trả tiền lãi cho H thông qua tài khoản Ngân hàng (có tháng chị N trả không đủ tiền lãi thì H không yêu cầu chị N phải trả đủ mà coi như giảm tiền lãi cho chị N), cụ thể như sau:

- Ngày 12/4/2022 và ngày 18/4/2022, chị N chuyển 2 lần với tổng số tiền 16.000.000đ vào tài khoản của H để trả tiền lãi tháng 4/2022.
- Ngày 12/5/2022 và ngày 17/5/2022, chị N chuyển 2 lần với tổng số tiền 15.800.000đ vào tài khoản của H để trả tiền lãi tháng 5/2022.
- Ngày 10/6/2022 và ngày 16/6/2022, chị N chuyển 2 lần với tổng số tiền 15.000.000đ vào tài khoản của H để trả tiền lãi tháng 6/2022.
- Ngày 10/7/2022, ngày 14/7/2022 và ngày 26/7/2022, chị N chuyển 3 lần với tổng số tiền 16.000.000đ vào tài khoản của H để trả tiền lãi tháng 7/2022.
- Ngày 13/8/2022, ngày 16/8/2022 và ngày 23/8/2022, chị N chuyển 4 lần với tổng số tiền 15.000.000đ vào tài khoản của H để trả tiền lãi tháng 8/2022.
- Ngày 13/9/2022 và ngày 16/9/2022, chị N chuyển 2 lần với tổng số tiền 14.000.000đ vào tài khoản của H để trả tiền lãi tháng 9/2022.
- Ngày 17/10/2022, chị N chuyển 2 lần với tổng số tiền 15.000.000đ vào tài khoản số 19033312259016 mở tại Ngân hàng Techcombank mang tên Lại Thị Thu L (vợ của H) theo yêu cầu của H để trả tiền lãi tháng 10/2022.
- Ngày 14/11/2022, chị N chuyển số tiền 10.000.000đ vào tài khoản của chị L và ngày 23/11/2022, chị N chuyển số tiền 5.000.000đ vào tài khoản của H để trả tiền lãi tháng 11/2022.
- Ngày 15/12/2022, chị N chuyển số tiền 15.000.000đ cho H để trả tiền lãi tháng 12/2022.
- Ngày 14/01/2023 và ngày 23/02/2023 chị N chuyển 2 lần với tổng số tiền 15.000.000đ vào tài khoản chị L theo yêu cầu của H để trả tiền lãi tháng 01/2023.
- Ngày 06/02/2023 và ngày 23/02/2023 chị N chuyển 2 lần với tổng số tiền 1.500.000đ vào tài khoản số 7700110341005 mở tại Ngân hàng MB Bank mang tên Lữ Văn L theo yêu cầu của H để trả tiền lãi cho H.
- Ngày 20/02/2023 và ngày 27/02/2023, chị N chuyển 2 lần với tổng số tiền 12.500.000đ vào tài khoản của chị L theo yêu cầu của H để trả tiền lãi tháng 02/2023.
- Ngày 10/3/2023, ngày 15/3/2023 và ngày 20/3/2023 chị N chuyển 3 lần với tổng số tiền 12.000.000đ cho H để trả tiền lãi tháng 3/2023, chị N còn nợ tiền lãi là 3.000.000đ.

Ngày 21/3/2023, chị N hỏi vay thêm số tiền 50.000.000đ, H đồng ý và sử dụng tài khoản số 030816321999 mở tại Ngân hàng Sacombank của H chuyển số tiền 24.000.000đ đến tài khoản số 16088016802156 mở tại Ngân hàng MSB của chị N. Do không đủ 50.000.000đ nên H cho chị N vay 20.000.000đ, lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương mức lãi suất 144%/năm, tiền lãi trả thong thời hạn 30 ngày, H thu trước tiền lãi 30 ngày là 2.400.000đ được trừ vào tiền vay. Ngoài ra H còn trừ 3.000.000đ tiền lãi của tháng 3/2023 của khoản vay 150.000.000đ trước đó nên chị N được nhận số tiền 14.600.000đ. Do H đã chuyển cho chị N số tiền 24.000.000đ nên chị N phải trả lại cho H 9.400.000đ. Ngày 22/3/2023 và ngày 25/3/2023 chị N sử dụng tài khoản số 13088010665666 mở tại Ngân hàng MSB chuyển 3 lần với tổng số tiền 9.400.000đ vào tài khoản số 030816321999 mở tại Ngân hàng Sacombank của H.

Sau đó H và chị N thống nhất cộng khoản vay 150.000.000đ với khoản vay 20.000.000đ thành tổng số tiền vay là 170.000.000đ, H tính lãi suất là 17.400.000đ/170.000.000đ/30 ngày, tương đương mức lãi suất 122,8/năm. Hàng tháng chị N đã trả cho H tiền lãi, cụ thể như sau:

Ngày 06/4/2023 và ngày 26/4/2023, chị N trả cho H số tiền 4.000.000đ; ngày 15/4/2023 và ngày 22/4/2023 chị N chuyển 2 lần với tổng số tiền là 13.000.000đ vào tài khoản của chị L theo yêu cầu của H để trả tiền lãi tháng 4/2023, tổng số tiền là 17.000.000đ, H cho chị N số tiền lãi còn thiếu là 400.000đ.

Ngày 16/5/2023, ngày 20/5/2023 và ngày 28/5/2023, chị N chuyển 3 lần với tổng số tiền là 17.400.000đ cho H để trả tiền lãi tháng 5/2023.

Ngày 15/6/2023 chị N chuyển 3 lần với tổng số tiền 17.400.000đ cho H để trả tiền lãi tháng 6/2023.

Ngày 15/7/2023, ngày 22/7/2023 và ngày 28/7/2023 chị N chuyển 3 lần với số tiền 17.400.000đ cho H để trả tiền lãi tháng 7/2023.

Ngày 17/8/2023, ngày 22/8/2023 và ngày 29/8/2023 chị N chuyển 3 lần với số tiền 17.000.000đ cho H để trả lãi tháng 8/2023, còn nợ tiền lãi 400.000đ.

Ngày 18/9/2023, ngày 23/9/2023 và ngày 30/9/2023 chị N chuyển 3 lần với số tiền 17.500.000đ cho H để trả tiền lãi tháng 9/2023(trong đó có 100.000đ được trả vào tiền lãi tháng 8/2023).

Ngày 14/10/2023, chị N chuyển 1 lần với số tiền 300.000đ vào tài khoản số 48210000350878 mang tên Đặng Văn H1, sinh năm 1977, tại tổ 10, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam theo yêu cầu của H để H trả nợ cho anh H1; ngày 18/10/2023, ngày 22/10/2023 và ngày 31/10/2023, chị N chuyển 3 lần với số tiền 17.400.000đ cho H để trả tiền lãi tháng 10/2023 (trong đó có 300.000đ được trả vào tiền lãi tháng 8/2023).

Ngày 06/11/2023, ngày 16/11/2023, chị N chuyển 2 lần với tổng số tiền 5.000.000đ cho H để trả tiền lãi tháng 11/2023.

Ngày 17/11/2023, N bị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam bắt, tạm giữ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Vật chứng, đồ vật, tài liệu thu giữ gồm:

- Thu của chị Lại Thị Thu L 03 sổ phụ kiêm phiếu báo nợ/ có tài khoản số 19033312259016 mở tại Ngân hàng Techcombank mang tên Lại Thị Thu L.

- Thu giữ của Hoàng Đức H 04 tập sao kê tài khoản số 030816321999 mở tại Ngân hàng Sacombank mang tên Hoàng Đức H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax.

- Ngân hàng MSB cung cấp các tập sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 16088016802156; 13088010665666 mở tại Ngân hàng MSB mang tên Phạm Thị N.

Ngày 02/01/2024, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Đức H tại tổ dân phố N, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam nhưng không thu giữ tài liệu, đồ vật gì liên quan đến vụ án.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKS-P2 ngày 14/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Hoàng Đức H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý giữ nguyên quan điểm truy tố Hoàng Đức H như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX):

+ Tuyên bố bị cáo Hoàng Đức H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Đức H từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

+ Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 và Điều 35 Bộ luật Hình sự. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5 đến 10 triệu đồng sung Ngân sách Nhà nước.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Đức H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám, số IMEI 353901107541098, số IMEI2 35901107513816, cũ đã qua sử dụng.

Buộc bị cáo Hoàng Đức H phải trả cho chị Phạm Thị N số tiền thu lợi bất chính là 264.497.535 đồng, được đối trừ với số tiền 4.000.000đ mà bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, bị cáo còn phải trả cho chị N số tiền 260.497.535đ.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Hoàng Đức H số tiền 51.102.465 đồng.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của chị Phạm Thị N số tiền 170.000.000 đồng.

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì; đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai và quan điểm của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên HĐXX tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã nêu. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản vụ việc; các biên bản làm việc về nội dung kiểm tra khai thác dữ liệu điện thoại; biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; văn bản cung cấp thông tin của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ của vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 19/3/2022 đến ngày 16/11/2023, tại thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Hoàng Đức H đã cho chị Phạm Thị N vay tổng số tiền là 170.000.000 đồng và thoả thuận lãi suất 17.400.000đ/170.000.000đ/30 ngày, tương đương 122,8%/năm (gấp 6,14 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự). Chị N đã trả cho H tổng số tiền lãi là 315.600.000 đồng; trong đó tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà H được phép thu là 51.102.465 đồng, H thu lợi bất chính số tiền 264.497.535 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố đối với Hoàng Đức H là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị Tòa án xử phạt và kết án về tội "Vận chuyển hàng cấm".

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã nộp 4.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý để khắc phục hậu quả, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, có bố vợ là thương binh hạng 4/4 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi suất cao là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện vì lợi nhuận bất chính thu được là rất cao (mức lãi suất gấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự). Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại về vật chất đối với người đi vay do phải trả một khoản lãi quá cao so với quy định, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Xét bị cáo dùng tiền của mình để cho vay, không có việc huy động tiền vốn từ người khác, nguồn sống chính của bị cáo không phụ thuộc vào việc cho vay lãi nặng nên bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp. Việc xét xử nghiêm minh hành vi phạm tội này của bị cáo là cần thiết, với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong cộng đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Xét mục đích của bị cáo là thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, tuy nhiên bị cáo hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên chỉ cần phạt ở mức phù hợp.

Mặc dù quá trình điều tra chị Phạm Thị N không đề nghị giải quyết về phần dân sự, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/5/2024 thì chị N có quan điểm yêu cầu Hoàng Đức H phải trả cho chị số tiền 264.497.535 đồng. Xét thấy đây là số tiền mà H thu lợi bất chính của chị N nên cần buộc bị cáo phải trả cho chị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 51.102.465 đồng là tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật mà bị cáo được phép thu của chị N nên cần truy thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền gốc 170.000.000 đồng mà chị Phạm Thị N đã vay của bị cáo H nhưng chưa trả, đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo sử dụng số tiền này vào việc phạm tội nên cần truy thu sung Ngân sách Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám là tài sản hợp pháp của bị cáo, quá trình điều tra xác định bị cáo không sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc điện thoại mà bị cáo H sử dụng để giao dịch cho vay và nhận tiền lãi của chị N, bị cáo xác định đã bị mất chiếc điện thoại nêu trên nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, các Điều 47, 48, 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Hoàng Đức H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2/ Xử phạt bị cáo Hoàng Đức H 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Đức H cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Đức H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Hoàng Đức H phải trả cho chị Phạm Thị N số tiền 264.497.535đ, làm tròn thành 264.497.500đ (hai trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Đối trừ với số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) mà bị cáo H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý theo biên lai thu tiền số 0000392 ngày 22/4/2024, bị cáo H còn phải thanh toán trả cho chị N số tiền 260.497.500đ (hai trăm sáu mươi triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Hoàng Đức H số tiền 51.102.465đ, làm tròn thành 51.102.500đ (năm mươi mốt triệu một trăm linh hai nghìn năm trăm đồng).

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của chị Phạm Thị N số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng).

4/ Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Hoàng Đức H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám, số IMEI: 353901107541098, số IMEI2: 35901107513816, cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng, biên bản mở niêm phong và biên bản niêm phong lập ngày 14/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hà Nam với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý).

5/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Hoàng Đức H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Lại Thị Thu L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lữ Văn L và Đặng Văn H1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA tỉnh Hà Nam;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQĐVA;
- Lưu HSVA; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân